

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ – LỚP 9

TUẦN 16 (TỪ 20/12/2021 ĐẾN 25/12/2021)

1. MÔN NGỮ VĂN

CHỦ ĐỀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI VÀ YẾU TỐ ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI, ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG VĂN TỰ SỰ

TUẦN 15: BÀI 1: LÀNG (KIM LÂN)

I. Đọc tìm hiểu chú thích:

1. Tác giả: Kim Lân.

2/ Tác phẩm :

- HCST: sáng tác vào thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp .

II. Đọc tìm hiểu văn bản:

1. Tinh huống truyện.

- Ông Hai nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

- Câu văn: Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây...”.

=> Tinh huống độc đáo, gay cấn nhằm bộc lộ sâu sắc tình yêu làng, yêu nước của ông Hai và chủ đề của truyện.

2. Diễn biến tâm trạng của ông Hai

a. Trước khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc.

+/ Cuộc sống của gia đình ông Hai ở nơi tản cư:

-> Cuộc sống xa quê, tạm bợ, khó khăn, có nề nếp.

+/ Mối quan tâm:

- Nghĩ, nhớ về làng quê da diết khi cùng làm việc với anh em.

-> Gắn bó, tự hào, có trách nhiệm với làng quê nơi mình ở.

- Đến phòng thông tin nghe tin tức về cuộc kháng chiến

- Ông nghe được nhiều tin hay những tin chiến thắng của quân ta.

=> Vui sướng, thoải mái, náo nức, tự hào tin tưởng về phong trào kháng chiến của quê hương.

Là người nông dân hiền lành, chất phác, yêu và gắn bó với làng quê, với cuộc kháng chiến của dân tộc.

b. Tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng mình làm Việt gian theo giặc.

+/ Khi vừa hay tin:

+ Thái độ.

- Cổ nghẹn ắng, da mặt tê, lạnh đi...

-> đau khổ, bàng hoàng, ngỡ ngàng, tưởng chừng mọi điều đang sụp đổ trước mắt ông, ông không tin đó là sự thật

+ Hỏi giọng lạc đi.

Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại

-> nghi ngờ, bán tín, bán nghi, hi vọng tin đó không phải là sự thật

+ Khi tin đó được khẳng định:

- Trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng, vron vai nói to.

=> Thái độ đánh trống lảng, mặc cảm, thất vọng, miễn cưỡng.

+/ Lúc về đến nhà:

. Vừa về đến nhà

- Nằm vật ra giường, tủi thân, nước mắt giàn ra.

=> Tâm trạng tủi thân, xấu hổ, uất ức, căm phẫn.

- Dằn vật, tủi nhục-> tuyệt vọng, bế tắc.

+/ Ba bốn ngày sau đó

-> ám ảnh-> mặc cảm tự ti-> sợ hãi, đau đớn, tủi hổ, nhục nhã.

-> Đấu tranh nội tâm

=> Suy nghĩ về danh dự, lòng tự trọng của người làng chợ Dầu, của người dân Việt Nam

+/Khi chủ nhà ngờ ý không cho vợ chồng ông ở nhờ:

-> Tình yêu nước và tinh thần kháng chiến rộng lớn hơn tất cả. Nó bao trùm lên tình cảm làng quê, tình quê hương.

+/ Trong cuộc đối thoại với đứa con.

->Đó là những lời tự bạch, tự bày tỏ lòng mình.

- Diễn tả tình cảm cha con, tình yêu thương con của ông Hai.

- Mượn con để bày tỏ tấm lòng với quê hương đất nước.

c. Tâm trạng ông Hai khi nghe tin đồn được cải chính:

+Thái độ: Hồ hởi vui vẻ.

+Nét mặt: tươi vui rạng rỡ.

+ Hành động: chia quà cho các con.

- Niềm vui sướng hả hê đến cực độ -> yêu làng, yêu nước.

=>Tình yêu làng và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân thời kháng chiến chống Pháp.

3. Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật:

- Thể hiện qua hành động, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại.

- Đặt nhân vật vào tình huống phải bộc lộ tâm trạng, cảm xúc.

=> Tác giả hiểu sâu sắc những người nông dân và thế giới tinh thần của họ.

III/ **Ghi nhớ:** SGK trang 74

BÀI 2: LẶNG LẼ SA PA (NGUYỄN THÀNH LONG)

I. Đọc tìm hiểu chú thích:

1. Tác giả: Nguyễn Thành Long

2. Tác phẩm:

- HCST: sau chuyến đi lên Lào Cai 1970

II. Đọc tìm hiểu văn bản:

1. Nhân vật anh thanh niên.

+/ Hoàn cảnh sống:

- Là một trong những người cô độc nhất thế gian. Tuổi đời còn rất trẻ mới 27 tuổi.

- Đã 4 năm sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m.

- Một mình trên Núi cao bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo

- Có lúc thèm người quá anh dùng cây gỗ chắn ngang đường để cho xe dừng lại vài phút để nói chuyện với người khác

-> Hoàn cảnh sống thật đặc biệt: gian khổ, khắc nghiệt, cô đơn một mình trên đỉnh núi cao.

+/ Công việc: công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu.

- Nhiệm vụ: đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất.

- Dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày phục vụ sản xuất và chiến đấu.

- Thời gian: đòi hỏi nghiêm ngặt về giờ giấc: theo ốp: 4h, 11h, 7h tối và 1h sáng bằng máy bộ đàm.

- Thời tiết: mưa tuyết, lạnh cóng, gió lớn.

=> Công việc quan trọng, khó khăn, gian khổ, thâm lặng, đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, tính kỉ luật và tinh thần trách nhiệm cao.

+/ Quan niệm, thái độ, suy nghĩ về công việc và cuộc sống.

* Suy nghĩ về công việc:

- Sống có lí tưởng, suy nghĩ đúng đắn về công việc, gắn bó với công việc, coi công việc như một người bạn, đam mê với công việc, coi công việc là một phần của cuộc sống.

- Hiểu được ý nghĩa những công việc thầm lặng có ích cho cuộc sống, cho mọi người, cho đất nước.

-> Sống có lí tưởng, yêu nghề tha thiết.

* Trong cuộc sống :

- Ý thức và tinh thần tự học: Anh có nguồn vui là đọc sách, thấy như lúc nào cũng có người bạn để trò chuyện, yêu sách, ham hiểu biết, sách làm cuộc sống không cô đơn, buồn tẻ => nguồn vui lành mạnh.

- Cách tổ chức sắp xếp cuộc sống : chủ động, khoa học, giản dị, ngăn nắp.

+/ Quan hệ với mọi người :

- Lăn khúc cây chặn đường xe đi để gặp người nói chuyện trong giây lát-> hồn nhiên, đáng yêu.

- Khi gặp đoàn khách dưới xuôi lên nét mặt anh rạng rỡ, mừng quýnh => cởi mở, chân thành.

- Biểu bác lái xe củ tam thất, tặng làn trứng để đoàn khách ăn trưa.

=> quan tâm đến người khác, đôn hậu.

- Mời hai người lên nhà, pha trà mời khách, hái hoa tặng cô gái, trước khi chia tay nhắc cô gái quên khăn => lịch sự hiếu khách.

- Ngồi làm mẫu vẽ.

- Giới thiệu ông kĩ sư vườn rau và anh cán bộ nghiên cứu sét.

=> giản dị, khiêm tốn.

=> ATN là người có tinh thần, tình cảm, cách sống, những suy nghĩ cao đẹp . Anh là tiêu biểu cho lớp thanh niên lao động mới có lí tưởng, hoài bão, hết lòng vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

2. MÔN TOÁN

2.1 ĐẠI SỐ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

CHƯƠNG III. HỆ HAI PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN

§1. PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN

1. Khái niệm về phương trình bậc nhất hai ẩn.

Phương trình bậc nhất hai ẩn x và y là hệ thức dạng: $ax + by = c$, trong đó a, b, c là các số đã biết ($a \neq 0$ hoặc $b \neq 0$)

* **Ví dụ 1:** (sgk.tr5)

* *Nghiệm của phương trình:* (sgk.tr5)

- Nếu tại $x = x_0, y = y_0$ mà giá trị hai vế của của ptr bằng nhau thì cặp số $(x_0; y_0)$ được gọi là một nghiệm của ptr-

* **Ví dụ 2:** (sgk.tr5)

* **Chú ý:** (sgk.tr5)

[?1] Cho phương trình $2x - y = 1$

a) Ta thay $x = 1; y = 1$ vào vế trái của phương trình $2x - y = 1$ ta được $2.1 - 1 = 1$ bằng vế phải \Rightarrow Cặp số $(1; 1)$ là một nghiệm của phương trình
- Tương tự cặp số $(0,5; 0)$ là một nghiệm của phương trình.

b) Một số nghiệm khác của phương trình: $(0; -1); (2; 3) \dots \dots$

[?2] Phương trình $2x - y = 1$ có vô số nghiệm, mỗi nghiệm là một cặp số.

2. Tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn.

* Xét phương trình $2x - y = 1$

$$\Rightarrow y = 2x - 1$$

Có vô số nghiệm và có nghiệm tổng quát là: $\begin{cases} x \in \mathbb{R} \\ y = 2x - 1 \end{cases}$ hoặc $S = \{(x; 2x - 1) / x \in \mathbb{R}\}$

Tập nghiệm của phương trình là đường thẳng $2x - y = 1$

* Xét phương trình $0x + 2y = 4 \Rightarrow y = 2$ có vô số nghiệm và có nghiệm tổng quát là: $\begin{cases} x \in \mathbb{R} \\ y = 2 \end{cases}$

Tập nghiệm của phương trình là đường thẳng $y = 2$

* Xét phương trình $4x + 0y = 6 \Rightarrow x = 1,5$ có vô số nghiệm và có nghiệm tổng quát là: $\begin{cases} x = 1,5 \\ y \in \mathbb{R} \end{cases}$

Tập nghiệm của phương trình là đường thẳng $x = 1,5$

* **Tổng quát:** (sgk.tr6)

B. LUYỆN TẬP:

Bài 1

a) Kiểm tra xem các cặp số $(1; 1)$ và $(0,5; 0)$ có là nghiệm của phương trình $2x - y = 1$ hay không ?

b) Tìm thêm một nghiệm khác của phương trình $2x - y = 1$.

Bài 2: Điền vào bảng sau và viết ra sáu nghiệm của phương trình -:

x	-1	0	0,5	1	2	2,5
$y = 2x - 1$						

Bài giải

Bài 1:

a) Cặp số (1; 1) là nghiệm của phương trình $2x - y = 1$ vì $2.1 - 1 = 1$

Cặp số (0,5; 1) là nghiệm của phương trình $2x - y = 1$ vì $2.0,5 - 1 \neq 1$

b) Chọn $x = 2$ ta có: $2.2 - y = 1 \Leftrightarrow y = 3$

Vậy cặp số (2; 3) là một nghiệm của phương trình $2x - y = 1$

Bài 2:

x	-1	0	0,5	1	2	2,5
$y = 2x - 1$	-3	-1	0	1	3	4

Vậy 6 nghiệm của phương trình là : (-1; -3), (0; 1), (0,5; 0), (1;1), (2; 3), (2,5; 4)

- Bài tập về nhà số 1, 2, 3 tr 7 SGK

2.2 HÌNH HỌC

Kết hợp ôn tập HK1 Đại số và Hình học theo đề cương của trường

ĐỀ 2

Bài 1 (2 điểm). Thu gọn các biểu thức sau:

a) $\sqrt{6}\sqrt{3} + \frac{2\sqrt{6}}{\sqrt{3}} - \sqrt{32}$

b) $\sqrt{23-4\sqrt{15}} - \frac{2}{\sqrt{5}+\sqrt{3}}$

Bài 2 (1 điểm). Rút gọn biểu thức : $A = \left(\frac{1}{\sqrt{x}-3} - \frac{1}{\sqrt{x}+1} \right) \cdot \frac{x-3\sqrt{x}}{\sqrt{x}}$ với $x > 0; x \neq 9$

Bài 3 (1.5 điểm) :

a) Vẽ đồ thị (d_1) của hàm số $y = \frac{1}{2}x - 3$

b) Xác định các số m, n của đường thẳng $(d_2) y = mx + n$, biết (d_2) có hệ số góc là 3 và cắt trục hoành tại điểm có hoành độ là -2.

Bài 4 (1 điểm). Vào cuối học kì I, trường trung học cơ sở A có tỉ lệ học sinh xếp loại học lực trên trung bình trở lên ở khối 7 là 90% học sinh toàn khối 7 và ở khối 9 là 84% học sinh toàn khối 9. Nếu tính tỉ lệ chung cả hai khối thì số học sinh xếp loại học lực trung bình trở lên là 864 em, chiếm tỉ lệ 86,4% số học sinh cả khối 7 và khối 9. Hãy cho biết mỗi khối trên có bao nhiêu học sinh ?

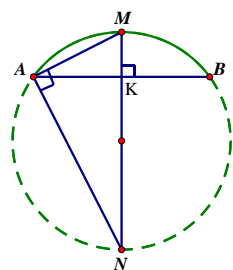
Bài 5 (0.75 điểm). Bụi mịn hay bụi PM 2.5 là những hạt bụi li ti trong không khí có kích thước 2.5 micromet rở xuống (nhỏ hơn khoảng 30 lần so với sợi tóc người). Loại bụi này hình thành từ các chất như Cacbon, Sulfur, Nitrogen và các hợp chất kim loại khác lơ lửng trong không khí. Bụi PM 2.5 có khả năng len sâu vào phổi, đi trực tiếp vào máu và có khả năng gây ra hàng loạt bệnh về ung thư, hô hấp,... Để xác định mức độ bụi PM 2.5 trong không khí người ta thường dùng chỉ số AQI, ví dụ 5AQI, 7AQI. Chỉ số AQI càng lớn thì độ ô nhiễm không khí càng nhiều.

Tại thành phố B, trong tháng 11 vừa qua, người ta đo được mức độ bụi PM 2.5 trong không khí vào lúc 6 giờ sáng là 79 AQI và trung bình mỗi giờ tăng 11 AQI, chỉ giảm đi kể từ 18 giờ cùng ngày.

a) Gọi y là mức độ bụi PM 2.5 trong không khí của thành phố B, t là số giờ kể từ 6 giờ sáng. Hãy biểu diễn mối liên hệ giữa y và t trong khoảng thời gian từ 6 giờ sáng đến 18 giờ cùng ngày.

b) Tính mức độ bụi PM 2.5 của thành phố B vào lúc 15 giờ.

Bài 6 (0.75 điểm). Một chiếc cầu dài 40 mét bắc qua một con kênh được thiết kế kiểu mái vòm là một cung tròn (như hình vẽ) có chiều cao từ mặt cầu đến đỉnh vòm là 3 mét. Tính bán kính của đường tròn chứa cung của vòm cầu (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai).



Chú thích:

AB: Độ dài của chiếc cầu

MK: Chiều cao từ mặt cầu đến đỉnh vòm cầu

(O): là đường tròn chứa vòm cầu (cung AMB)

Bài 7 (3 điểm). Cho (O) có

đường kính $AB = 2R$, dây CD vuông góc với OA tại trung điểm M của OA . Tiếp tuyến của (O) cắt OA tại N .

a) Chứng minh tứ giác $ACOD$ là hình thoi. Tính số đo góc COA và độ dài CN theo R .

b) Vẽ đường tròn tâm D bán kính DM cắt đường tròn (O) tại E và F . Vẽ đường kính DP của (O), DP cắt BC tại I và cắt FE tại H . Chứng minh I là trung điểm của BC và BC song với FE .

a) Gọi K là trung điểm của DM . Chứng minh ba điểm E, K, F thẳng hàng.

3. MÔN VẬT LÝ

Chủ đề 4. TỪ TRƯỜNG

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Bài 32: ĐIỀU KIỆN XUẤT HIỆN DÒNG ĐIỆN CẢM ỨNG

I. Sự biến đổi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây

Xung quanh nam châm có từ trường, chính từ trường gây ra dòng điện cảm ứng trong cuộn dây dẫn kín.

Quan sát: Hình 32.1 SGK.

C1: +Số đường sức tăng.

+Số đường sức không đổi.

+Số đường sức giảm.

+Số đường sức tăng.

*Nhận xét 1: Khi đưa một cực của nam châm lại gần hay ra xa một đầu của cuộn dây dẫn thì số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn tăng hoặc giảm (biến thiên).

II. Điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng

C2:

Bảng 1:

Làm TN	Có dòng điện cảm ứng hay không?	Số đường sức từ xuyên qua S có biến đổi hay không?
Đưa nam châm lại gần cuộn dây	có	có
Đỡ nam châm nằm yên	không	không
Đưa nam châm ra xa cuộn dây	có	có

C3: Khi số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây biến đổi (tăng hay giảm) thì xuất hiện dòng điện cảm ứng trong cuộn dây dẫn kín.

* Nhận xét 2: Dòng điện cảm ứng xuất hiện trong cuộn dây dẫn kín đặt trong từ trường của một nam châm khi số đường sức xuyên qua tiết diện S của cuộn dây biến thiên.

C4: Khi ngắt mạch điện, cường độ dòng điện trong nam châm điện giảm về không, từ trường của nam châm yếu đi, số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây giảm, do đó xuất hiện dòng điện cảm ứng.

+ Khi đóng mạch điện, cường độ dòng điện trong nam châm điện tăng từ không đến có, từ trường của nam châm mạnh lên, số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây tăng, do đó xuất hiện dòng điện cảm ứng.

*** Kết luận: Trong mọi trường hợp, khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín biến thiên thì trong cuộn dây dẫn xuất hiện dòng điện cảm ứng.**

B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Khi đưa một cực của nam châm lại gần hay ra xa đầu cuộn dây thì

A. Số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn không đổi.

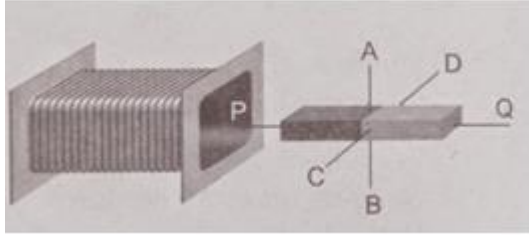
B. Số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn luôn tăng.

- C. Số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn tăng hoặc giảm (biến thiên).
 D. Số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn luôn giảm.

Câu 2: Trong trường hợp nào dưới đây, trong cuộn dây dẫn kín xuất hiện dòng điện cảm ứng ?

- A. Số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín lớn.
 B. Số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín được giữ không thay đổi.
 C. Số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín thay đổi.
 D. Từ trường xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín mạnh.

Câu 3: Trong hình dưới đây, thanh nam châm chuyển động như thế nào thì **không** tạo ra dòng điện cảm ứng trong cuộn dây?

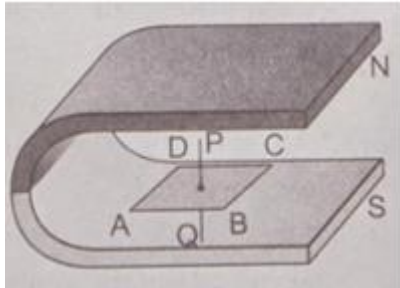


- A. Chuyển động từ ngoài vào trong ống dây.
 B. Quay quanh trục AB.
 C. Quay quanh trục CD.
 D. Quay quanh trục PQ.

Câu 4: Với điều kiện nào thì xuất hiện dòng điện cảm ứng trong một cuộn dây dẫn kín?

- A. Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện cuộn dây rất lớn.
 B. Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện cuộn dây được giữ không tăng.
 C. Khi không có đường sức từ nào xuyên qua tiết diện cuộn dây.
 D. Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện cuộn dây biến thiên.

Câu 5: Trên hình sau, khi cho khung dây quay quanh trục PQ thì trong khung dây có xuất hiện dòng điện cảm ứng hay không?



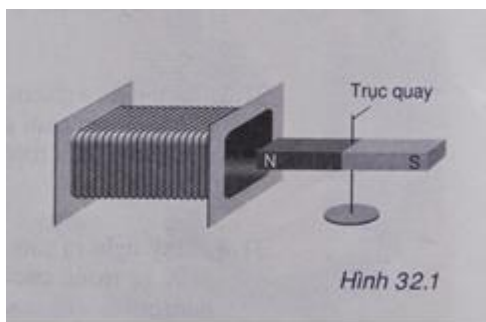
- A. Có
 B. Không
 C. Dòng điện cảm ứng ngày càng tăng
 D. Xuất hiện sau đó tắt ngay

Câu 6: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống

Dòng điện cảm ứng chỉ xuất hiện trong cuộn dây dẫn kín trong thời gian có sự..... qua tiết diện S của cuộn dây.

- A. biến đổi của cường độ dòng điện.
 B. biến đổi của thời gian.
 C. biến đổi của dòng điện cảm ứng.
 D. biến đổi của số đường sức từ.

Câu 7: Vì sao khi cho nam châm quay trước một cuộn dây dẫn kín như thí nghiệm ở hình 32.1 thì trong cuộn dây xuất hiện dòng điện cảm ứng?



Hình 32.1

- A. vì cường độ dòng điện trong cuộn dây thay đổi.
- B. vì hiệu điện thế trong cuộn dây thay đổi.
- C. vì dòng điện cảm ứng trong cuộn dây thay đổi.
- D. vì số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây thay đổi.

Câu 8: Dùng những dụng cụ nào sau đây ta có thể làm thí nghiệm cho ta dòng điện cảm ứng liên tục?

- A. Một nam châm và một ống dây dẫn kín.
- B. Một nam châm, một ampe kế và một vôn kế.
- C. Một ống dây dẫn kín, một nam châm và một bộ phận làm cho cuộn dây dẫn hoặc nam châm quay liên tục.
- D. Một ống dây dẫn kín, một ampe kế và một bộ phận làm cho cuộn dây dẫn hoặc nam châm quay liên tục.

Câu 9: Một học sinh nói rằng: “Điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng trong một cuộn dây dẫn kín là chuyển động tương đối giữa nam châm và cuộn dây”. Lời phát biểu này đúng hay sai? Tại sao?

- A. Đúng vì luôn có sự biến đổi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây.
- B. Sai vì có trường hợp chuyển động giữa nam châm và cuộn dây không làm cho số đường sức từ xuyên qua tiết diện cuộn dây biến thiên.
- C. Đúng vì chuyển động giữa nam châm và cuộn dây không sinh ra sự biến đổi số đường sức từ xuyên qua tiết diện cuộn dây.
- D. Sai vì luôn không có sự biến đổi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây.

Câu 10: Trường hợp nào sau đây có số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây khác với các trường hợp còn lại?

- A. Đưa nam châm lại gần cuộn dây theo phương vuông góc với tiết diện S của cuộn dây.
- B. Đặt nam châm đứng yên trong cuộn dây.
- C. Để nam châm đứng yên, cho cuộn dây chuyển động lại gần nam châm.
- D. Đưa nam châm và cuộn dây lại gần nhau.

DẶN DÒ:

- Ôn và học ghi nhớ/SGK từ bài 21 đến bài 28.
- Hoàn tất bài tập ở trên.
- Ôn lại bài tập quy tắc nắm tay phải.
- Chuẩn bị trước bài 33, 34.

HẾT

4. MÔN LỊCH SỬ

A. LÝ THUYẾT :

BÀI 15: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT.

I. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới.

- Cách mạng XHCN Tháng Mười Nga thành công đã thức tỉnh nhân dân Việt Nam...

- Phong trào cách mạng thế giới: tháng 3 - 1919, Quốc tế cộng sản thành lập; Đảng Cộng sản ra đời ở nhiều nước (Pháp 1920, Trung Quốc 1921), tạo điều kiện cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam.

II. Phong trào dân tộc, dân chủ công khai (1919 - 1925).

- Tầng lớp tư sản dân tộc chủ yếu đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế như (phong trào chấn hưng hàng nội hóa, bài trừ ngoại hóa). Để tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng nhằm gây áp lực với Pháp, tư sản dân tộc đã thành lập Đảng Lập hiến, đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ, nhưng khi được Pháp nhượng bộ cho một số quyền lợi, họ lại sẵn sàng thỏa hiệp.

- Tầng lớp tiểu tư sản trí thức: tập hợp trong những tổ chức chính trị như Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Việt Nam Nghĩa đoàn, Đảng Thanh niên... với nhiều hoạt động phong phú, sôi nổi:

- Xuất bản những tờ báo tiên bộ để cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

- Tiếng bom của Phạm Hồng Thái ở Sa Diện (Quảng Châu - Trung Quốc) (tháng 6 - 1924) đã mở màn cho một thời kì đấu tranh mới của dân tộc.

- Đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925) và đám tang Phan Châu Trinh (1926) v.v...

III. Phong trào công nhân (1919 - 1925).

- Do bị áp bức, bóc lột nặng nề, lại được sự cổ vũ của các cuộc đấu tranh của công nhân, thủy thủ ở Pháp và (Hương Cảng - Trung Quốc); ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương, Sài Gòn,... phong trào công nhân có những bước phát triển mới. Không chỉ đơn thuần là đòi quyền lợi kinh tế mà còn các quyền khác, thành lập tổ chức công hội bí mật...

- Cuộc đấu tranh của công nhân ở thời kì này tuy còn lẻ tẻ và tự phát nhưng ý thức giai cấp đã phát triển nhanh chóng làm cơ sở cho các tổ chức và các phong trào chính trị cao hơn sau này.

- Năm 1925, cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son ở Sài Gòn thắng lợi, đã đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam - giai cấp công nhân nước ta từ đây bước đầu đi vào đấu tranh có tổ chức và có mục đích chính trị rõ ràng.

B. LUYỆN TẬP

Em hãy hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1. Những sự kiện nào trên thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có tác động sâu sắc nhất tới cách mạng Việt Nam?

A. Thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (1917) và sự thành lập Quốc tế cộng sản (2/1919).

B. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

C. Sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở các nước châu Âu.

D. Hội nghị Véc-xai.

Câu 9. Phong trào công nhân trong những năm 1919 -1924 đấu tranh với mục tiêu chủ yếu là gì?

A. Đòi quyền lợi kinh tế.

B. Đòi quyền lợi chính trị.

C. Đòi quyền lợi kinh tế và chính trị.

D. Đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu 8. Năm 1920, công nhân Sài Gòn – Chợ Lớn đã thành lập tổ chức gì, do ai đứng đầu?

A. Tổ chức Việt Nam nghĩa đoàn, Tôn Đức Thắng đứng đầu.

B. Đảng Thanh niên, do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

C. Tổ chức Công hội, do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

D. Tổ chức Hội Phục Việt, Tôn Đức Thắng đứng đầu.

C. DẶN DÒ:

- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập theo những nội dung trọng tâm đã hướng dẫn từ tuần 1 đến tuần 15 chuẩn bị cho kiểm tra định kỳ HK1.

5. ĐỊA LÝ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Chủ đề 3: SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ.

(Từ bài 17 đến bài 29)

Vùng 4: VÙNG TÂY NGUYÊN.

☞BÀI 28 – 29 - 30 SGK☞

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ GIỚI HẠN LÃNH THỔ

- Diện tích : 54.475 km² (chiếm 23,8% diện tích cả nước)
- Giới hạn : giáp Bắc Trung Bộ, CHDCND Lào, Cam-pu-chia, Đông Nam Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ. Là vùng kinh tế duy nhất không giáp biển của nước ta
- Ý nghĩa : gần vùng Đông Nam Bộ có kinh tế phát triển và là thị trường tiêu thụ sản phẩm, có mối liên hệ với Duyên hải Nam Trung Bộ, mở rộng quan hệ với Lào và Cam-pu-chia.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

* Đặc điểm :

- + Có địa hình cao nguyên xếp tầng : cao nguyên Kon Tum, cao nguyên Plây-ku, cao nguyên Đắk Lắk, cao nguyên Mơ Nông, cao nguyên Lâm Viên, cao nguyên Di Linh.
- + Là nơi bắt nguồn của nhiều dòng sông chảy về các vùng lãnh thổ lân cận.
- + Có nhiều tài nguyên thiên nhiên
- * Thuận lợi : có tài nguyên thiên nhiên phong phú, thuận lợi cho phát triển kinh tế đa ngành : đất badan nhiều nhất cả nước, rừng tự nhiên còn khá nhiều, khí hậu cận xích đạo nóng, ẩm, trữ năng thủy điện khá lớn , khoáng sản bô-xit có trữ lượng khá lớn.
- * Khó khăn : thiếu nước và nguy cơ cháy rừng vào mùa khô

III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI: (HS TỰ HỌC)

HỆ THỐNG KIẾN THỨC TRONG THỜI GIAN HỌC ONLINE

Vùng 1: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Vùng 2: Vùng đồng bằng sông Hồng.

Vùng 3: Vùng Bắc Trung Bộ.

Vùng 4: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. LUYỆN TẬP: Đọc TBĐ trang 20 +21, 23, 25.

- Xác định được vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ.
- Đọc tên các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung Ương.
- Đọc tên các trung tâm công nghiệp rất lớn và lớn. Kể tên các ngành công nghiệp trong mỗi trung tâm đó.

* **Dặn dò: Tiếp tục học trên trang lớp học, đi học trực tiếp nhớ mang tập bài ghi + SGK + Tập bản đồ Địa lý 9.**

6. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Bài 7 : KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC (TIẾT 2)

A . LÝ THUYẾT (Nội dung cần học) : tiếp theo

3/ Ý nghĩa :

- Là vô cùng quý giá
- Góp phần tích cực vào quá trình phát triển của dân tộc và mỗi cá nhân .
- Góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam .

4/ Trách nhiệm của công dân học sinh :

- Cần tự hào, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc .
- Lên án và ngăn chặn những hành vi làm tổn hại đến truyền thống dân tộc .

B . LUYỆN TẬP

1/ Phân biệt truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những phong tục cổ hủ, lạc hậu ?

Cho ví dụ cụ thể ?

2/ Là học sinh em cần phát huy những truyền thống tốt đẹp nào ?

C . DẶN DÒ:

- + Học nội dung bài học (1,2,3/ NDBH).
- + Ôn lại bài 2,4,7, 8, 9.

7. MÔN TIẾNG ANH

NỘI DUNG TRỌNG TÂM

- **Tiết 31: Unit 5 – Write**
- **Tiết 32: Unit 5 _ Language Focus**

Unit 5 : THE MEDIA – Write

A. LÝ THUYẾT

I. New words

- 1. Deny (v): từ chối**
- 2. Benefit (n): lợi ích**
 - Beneficial: có lợi
 - 3. Access (v): truy cập
 - Access (n) : sự truy cập
 - Accessible (a): có thể truy cập
- 4. Get access to (exp): tiếp cận**
- 5. Explore (v): khám phá**
 - Exploration (n): sự khám phá
 - Explorer (n): nhà khám phá

II. Writing

Write a passage about the benefits of the Internet.

Sample writing:

As we know, the Internet is, at present, becoming an important part of our everyday life. Almost of every aspect of life is concerned with the Internet, especially in developed countries.

People can use the Internet to do a lot of things. The Internet can be said a useful and effective instrument for daily activities.

Firstly, Internet can be a source of information at home. People needn't go news stands to buy newspapers or magazines. They can get information about weather easily and at any time as well.

Secondly, Internet is a source of entertainment. People can see films, or listen to their favorite songs or even play interesting games on the Internet. And this doesn't cost as much.

In addition, the Internet is also a good means of education. Students and schoolchildren now can use the Internet as a useful and time-saving device by on-line schools or on-line lessons. Moreover, Internet can be said a wonderful means for people in their self-study.

In sum, the Internet, in our present time, plays an essential role in the development of society and man's knowledge and life.

B. LUYỆN TẬP

Write a passage about what advantages of the Internet in our daily lives

Sample writing:

The truth is, the Internet, at present, plays an important part in our everyday life. Almost of every aspect of life is concerned with the Internet, especially in developed countries. People can use the Internet to do a lot of things. The Internet can be said a useful and effective instrument for daily activities.

The most important thing is Internet can be a source of information at home. People needn't go news stands to buy newspapers or magazines. They can get information about weather easily and at any time as well. Then, Internet is a source of entertainment. People can see films, or listen to their favorite songs or even play interesting games on the Internet. And this doesn't cost as much. Moreover, the Internet is also a good means of education. Students and schoolchildren now can use the Internet as a useful and time-saving device by on-line schools or on-line lessons. Also, Internet can be said a wonderful means for people in their studying.

To sum up, the Internet takes a necessary part in the development of society and human's lives

➤ Unit 5 – Language Focus

A. LÝ THUYẾT

1. Tag questions

1. Định nghĩa:

Câu hỏi đuôi là những câu hỏi ngắn được thêm vào cuối câu trần thuật để đổi thành câu hỏi Yes/No.

2. Phân loại:

– Loại 1:

Mệnh đề chính và câu hỏi đuôi có hai thể đối nghịch: Bao gồm câu mệnh đề chính khẳng định và câu hỏi đuôi phủ định hoặc là mệnh đề chính phủ định và câu hỏi đuôi khẳng định. Nhưng câu hỏi đuôi phủ định thường phổ biến hơn.

Loại 1 được sử dụng khi ta biết được câu trả lời cho câu hỏi đuôi.

Ví dụ:

She's a translator, *isn't she*? (Cô ấy là một phiên dịch viên phải không?)

He hasn't arrived yet, *has he*? (Anh ấy vẫn chưa đến phải không?)

– Loại 2:

Mệnh đề chính và câu hỏi đuôi có thể khẳng định: Loại 2 được sử dụng khi ta không biết được câu trả lời cho câu hỏi đuôi.

Ví dụ:

You're Nobita, *are you*? (Bạn là Nobita đúng không?)

You got the email, *did you*? (Bạn nhận được email rồi đúng không?)

3. Cấu trúc:

– Loại 1:

Câu mệnh đề chính khẳng định và câu hỏi đuôi phủ định:

$S + V + \dots + don't/doesn't/didn't + S?$

$S + am/is/are + \dots + am\ not/ isn't/aren't + S?$

Câu mệnh đề chính phủ định và câu hỏi đuôi khẳng định:

$S + don't/doesn't/didn't + V + \dots + do/does/did + S?$

$S + am\ not/ isn't/aren't + \dots + am/is/are + S?$

Ví dụ:

You *aren't* a student, *are* you? (Bạn là không phải là học sinh phải không?)

She *hasn't bought* a new dress, *has* she? (Cô ấy chưa mua cái đầm mới nào phải không?)

He *can't speak* English, *can* he? (Anh ấy không nói được tiếng Anh đúng không?)

– Loại 2:

$S + V + \dots + do/ does/ did + S?$

$S + am/is/are + \dots + am/ is/are + S?$

Ví dụ:

He's your brother, *is he*? (Anh ấy là em trai của bạn đúng không?)

She has gone out, *has she*? (Cô ấy đã ra ngoài phải không?)

He *can swim*, *can he*? (Anh ấy có thể bơi đúng không?)

2. Gerunds after some verbs

Dùng gerunds sau những động từ sau:

Like
Love
Enjoy
Dislike
Hate

B. LUYỆN TẬP

1. Complete the dialogues with the correct tag.

1. Jim: You have read this article on the website, **haven't you?**

Lina: Not yet.

2. Minh: Baird produced the first TV picture in 1926, **didn't he?**

Thao: Yes, he did.

3. Thu: A daily newspaper was published in Germany in 1550, **wasn't it?**

Tri: No, it wasn't. It was in 1650.

4. Ha: You don't like playing computer games, **do you?**

Thanh: Yes, I do. But I don't have much time for it.

5. Mai: We are going to have cable TV soon, **aren't we?**

Thang: Yes, I think so.

2. Work with a partner. Look at the table. Ask and answer questions about television programs these people like and dislike. Use tag questions

1. A: Mai and Anh don't like news, do they?

B: No, they don't.

2. A: But Mai and Anh like movies, don't they?

B: Yes, they do.

3. A: Hanh and Tuan like news, don't they?

B: Yes, they do.

4. A: Mai and Hanh don't like sports, do they?

B: No, they don't.

5. A: Tuan and Hanh don't like games, do they?

B: No, they don't.

6. A: Mai and Anh don't like English lessons, do they?

B: No, they don't.

7. A: Hanh and Mai like cartoons, don't they?

B: Yes, they do.

8. A: Anh doesn't like games, does she?

B: No, she does.

3. Work with a partner. Ask and answer questions about each item in the box.

soccer

Do you like playing soccer?

- No, I hate it. What about you?

- I like it.

fishing

Do you enjoy fishing?

- Yes, I love it. And you?

- I don't know. I've never tried it.

movies

Do you like going to the movies?

- No, I hate it. I enjoy watching films on TV at home.

- Neither do I. I love watching cartoons.

detective stories

Do you like reading detective stories?

- No, I hate it. It's a waste of time. How about you?

- I don't like it, either.

music

Do you enjoy listening to music?

- Yes, I like it very much, especially classical music.

- Oh, I enjoy listening to it, too.

4. Use the words in the three boxes to write true sentences about your parents, siblings, relatives, friends and yourselves

- My younger brother enjoys playing computer games, but my sister doesn't. She likes listening to music.

- My uncle likes reading articles about current subjects, but my aunt doesn't. She loves reading advertisements.

- My friend, Hung, loves playing soccer, but my classmate Lan, doesn't. She loves writing letters.

- I myself dislike watching sports, but I love listening to music

C. LUYỆN TẬP THÊM

EXERCISE I. Fill with suitable questions tag.

1. She's from a small town in China, ?

2. He's still sleeping, ?

3. We're late again, ?

4. I'm not the person with the tickets, ?

5. You do go to school, ?

6. The weather is really bad today, ?

7. Let's go for a walk, ?

8. They aren't in Mumbai at the moment, ?

ĐÁP ÁN

1. isn't she; 2. isn't he; 3. aren't we; 4. am I; 5. don't you;

6. isn't it; 7. shall we; 8. are they;

Exercise II: Choose the correct answers

1. My father usually helps me _____ English.

a. to learn b. lean c. learning d. both a and b

2. He was heard _____ shout.

a. to b. of c. by d. at

3. This student expected _____ the first winner of the Grand Prix.

a. be b. being c. to be d. will be

4. I told her _____ about her wedding; everything will straighten out.

a. Don't worry b. not to worry c. no worry d. not worry

5. May I suggest you let _____

a. Mary doing so b. Mary do so c. Mary does to d. Mary to do so

6. She _____ him when he called her.

a. pretended not hear b. pretended she heard not

c. pretended not to hear d. did not pretend hear

7. The doctor advised _____ late.

a. me not staying up b. me not stay up

c. me not to stay up d. I did not stay up

8. The school superintendent told me _____

- a. hurrying up b. to hurry up c. hurry up d. hurried up

9. "_____ us face the enemies", shouted the soldiers.

- a. Make b. Let c. Leave d. Keep

10. Mr. Brown told the schoolgirls _____ in class.

- a. don't eat b. not to eat c. eat not d. not eat

ĐÁP ÁN

1d	2a	3c	4b	5c	6c	7c	8b	9b	10b
----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

8. MÔN MỸ

A. LÝ THUYẾT
GHI):

CHỦ ĐỀ: CUỘC
EM.

TIẾT 15, 16: ĐỀ
CẢNH QUÊ

- Tìm hiểu đề tài,
 1. Miền
tháp Rùa, chùa
Long, hồ Ba Bể...
 2. Miền
Huế, chùa Thiên
An, thánh địa Mỹ
Nha...

3. Miền Nam: bến nhà Rồng, nhà thờ Đức Bà, chợ Bến Thành, Vũng Tàu...

- Phải quan sát từng đặc điểm riêng biệt để vẽ cho chính xác.
- Các bước vẽ tranh đề tài Phong cảnh quê hương:

1. Chọn nội dung vẽ.
2. Phác thảo bố cục chính hợp lý.
3. Tham khảo hình chụp, hình vẽ về phong cảnh quê hương để vẽ chi tiết.
4. Vẽ màu.

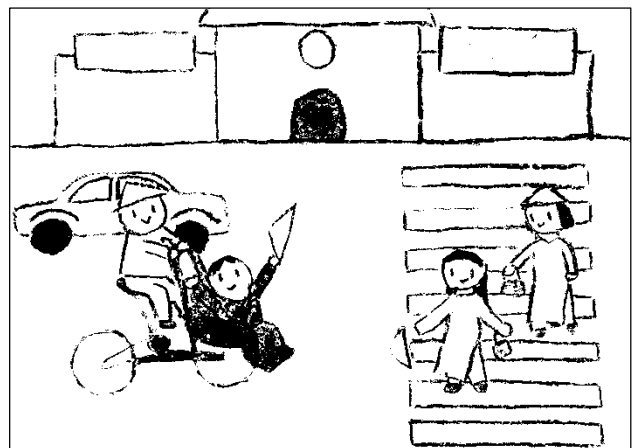
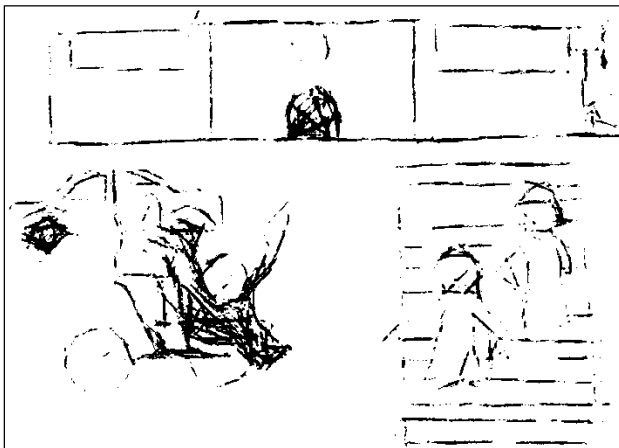


THUẬT
(NỘI DUNG BÀI
SÔNG QUANH

**TÀI PHONG
HƯƠNG.**

nội dung:
Bắc: hồ Gươm,
Một Cột, vịnh Hạ

Trung: kinh thành
Mụ, phố cổ Hội
Sơn, động Phong



B. LUYỆN TẬP:

-Vẽ tranh đề tài Phong cảnh quê hương.

-Kích thước: A4

-Chất liệu màu: tùy chọn.

9. MÔN THỂ DỤC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

Chủ đề: NHẢY CAO KIỂU NẪM NGHIÊNG:

- Hoàn thiện kĩ thuật (HS tự tập luyện).
- Một số điều luật cơ bản.

1. Mục tiêu cần đạt:

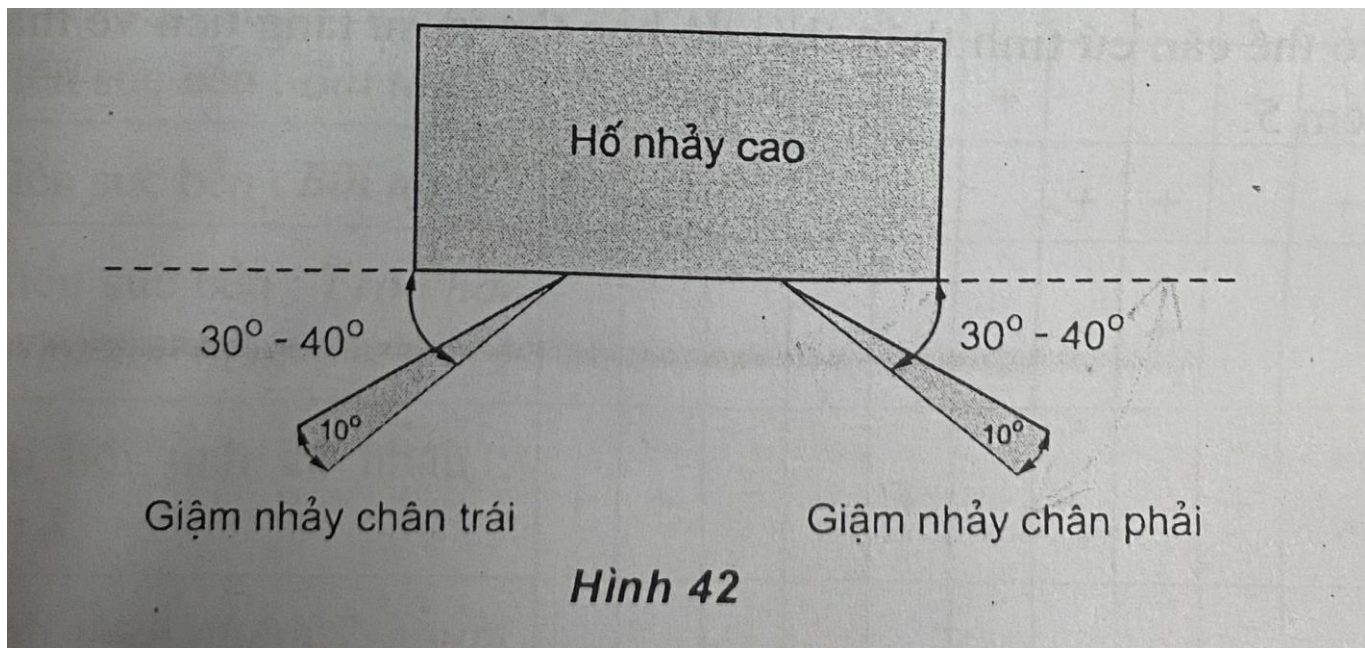
* **Kiến thức:** Hiểu biết cơ bản về Kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng và một số điều luật.

* **Kĩ năng:** Thực hiện cơ bản đúng Kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng và biết áp dụng một số điều luật vào thi đấu.

2. Nội dung:

* **Hoàn thiện kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng:**

a. Giai đoạn chạy đà:

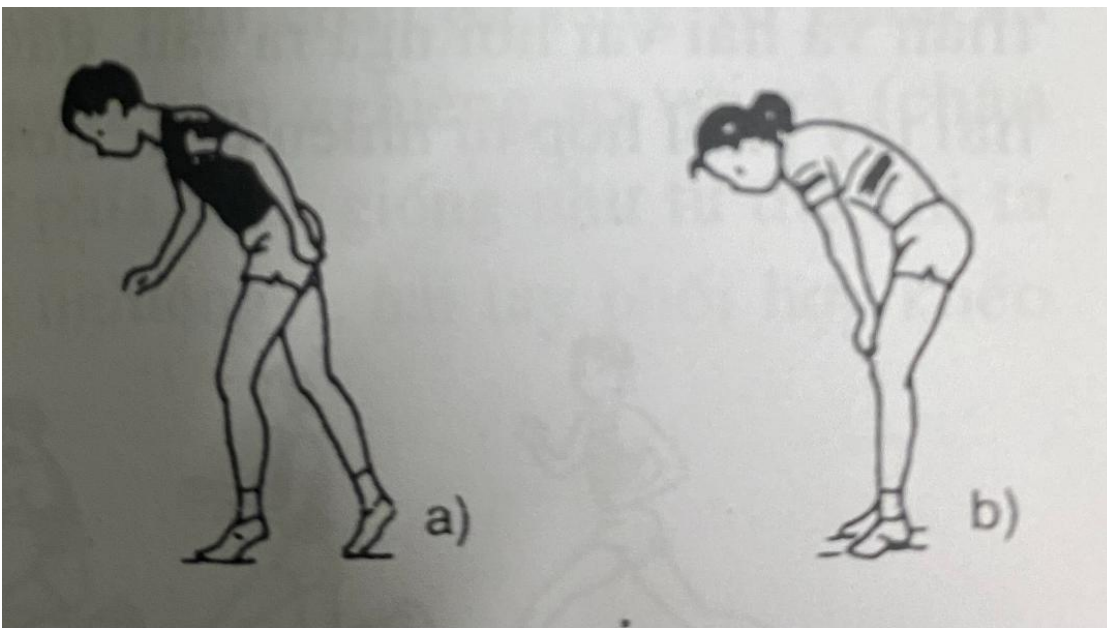


- Số bước chạy đà khoảng 6 - 10 bước (bước chẵn) hoặc 7 - 11 bước (bước lẻ). Mỗi bước tương đương độ dài của 5 - 6 bàn chân nối tiếp nhau. Góc chạy đà chệch với xà khoảng 30 - 40°. Giậm nhảy chân phải, đứng bên phải của xà theo chiều nhìn vào xà và ngược lại (H. 42).

Kĩ thuật chạy đà gồm: Tư thế chuẩn bị và chạy đà.

- **Tư thế chuẩn bị:**

Cách thứ nhất: Đứng chân trước chân sau, chân lăng trước (bước lẻ) hoặc chân giậm trước (bước chẵn), mũi bàn chân trước sát vạch xuất phát. Hai chân chạm đất bằng nửa trước bàn chân và khuỷu gối (chân sau khuỷu nhiều hơn chân trước), trọng tâm dồn vào chân trước. Thân hơi ngả ra trước, hai tay buông tự nhiên hoặc hơi co, mắt nhìn xà hoặc mặt đất phía trước cách vạch xuất phát chạy đà khoảng 2 - 3m. Trước khi chạy đà có thể ngả thân trên nhiều ra trước, sau đó ra sau, rồi lại ngả ra trước và tiến hành bước chạy đà đầu tiên (H. 43a).



Cách thứ hai: Đứng hai chân song song (bằng hoặc nhỏ hơn vai) sát vạch xuất phát (H. 43b).

Cách thứ ba: Đi vài bước đến vạch xuất phát chạy đà, sau đó bắt đầu chạy đà.

Dù bất kỳ tư thế chuẩn bị nào cũng không nên để có thể gò bó, căng thẳng mà cần tự nhiên, thả lỏng và tập trung chú ý.

- Chạy đà:

Gồm hai phần:

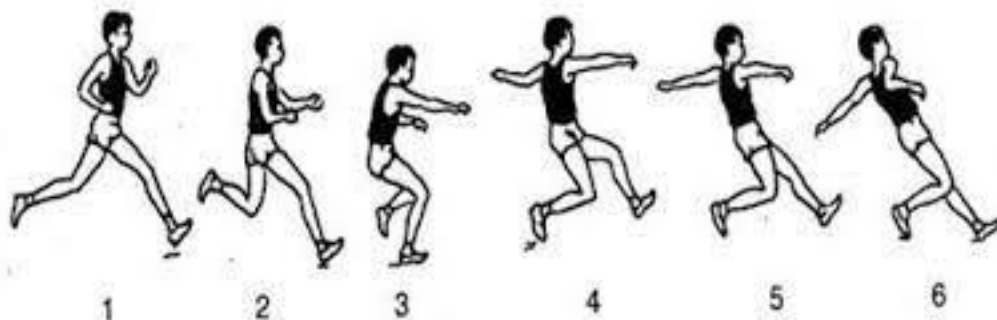
+ **Phần một:** Từ lúc xuất phát đến trước 3 bước đà cuối, độ dài và tốc độ bước chạy tăng dần, độ ngả của thân giảm dần.

+ **Phần hai:** Gồm 3 bước cuối trước khi giậm nhảy. Nhiệm vụ của phần chạy đà này là duy trì tốc độ đã đạt được và chuẩn bị giậm nhảy, sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Ở đây độ dài, nhịp điệu của các bước chạy, tư thế của thân người, của bàn chân cũng như hai tay có tầm quan trọng đặc biệt. Cụ thể:

Bước thứ nhất: Chân giậm nhảy bước ra trước nhanh hơn bước trước đó, chạm đất bằng gót bàn chân, tiếp theo đưa nhanh chân lăng ra trước để thực hiện bước thứ hai.

Bước thứ hai: Bước này dài nhất trong ba bước đà cuối, chân chạm đất (chân đá lăng) hơi miết bàn chân xuống dưới - ra sau, giữ thẳng không ngả vai ra sau trước khi kết thúc thời kì chống tựa. Bàn chân khi chạm đất cần thẳng hướng chạy đà, tránh đặt lệch.

Bước thứ ba: Đây là bước đặt chân vào điểm giậm nhảy. Bước này ngắn hơn hai bước trước một chút, nhưng cần thực hiện rất nhanh. Khi đặt chân vào điểm giậm nhảy, chân gần như thẳng từ gót chân rời cả bàn, chân lăng co ở phía sau, thân và hai vai hơi ngả ra sau, đầu và cổ không ngả theo mà hướng mặt về trước, hai tay phối hợp tự nhiên hoặc hơi co, hai khuỷu hướng ra sau.



b. Kỹ thuật giậm nhảy:

Sau khi đặt chân vào điểm giậm nhảy, chân giậm nhảy hơi chùng ở gối tạo thế co cơ, sau đó dồn sức để giậm nhảy. Khi đá lăng chân ra trước cần chủ động dùng sức của đùi và độ linh hoạt của khớp hông đá chân lên cao. Hai tay phối hợp gần như đồng thời với chân lăng, đánh hơi vòng xuống dưới - lên cao, khi hai khuỷu tay đến ngang vai thì dừng lại để tạo thế năm người lên.

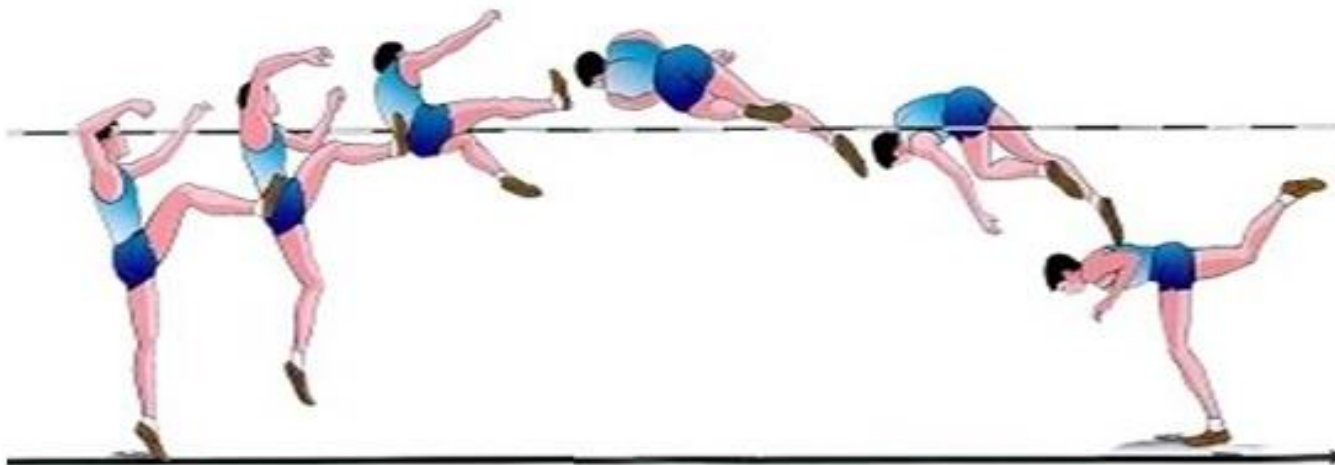


GIẬM NHẢY

Giậm nhảy là giai đoạn quan trọng nhất trong nhảy cao. Sự phối hợp chính xác, nhịp nhàng giữa giậm nhảy đã lăng và đánh tay với tốc độ di chuyển của cơ thể (do chạy đà tạo ra) là yếu tố quyết định hiệu quả giậm nhảy.

c. Kỹ thuật qua xà (trên không):

Giai đoạn qua xà (trên không) bắt đầu từ khi chân giậm nhảy rời khỏi mặt đất. Tiếp theo, co nhanh chân giậm nhảy, đồng thời xoay mũi chân đá lăng về phía xà (hoặc xoay gót chân ra ngoài) tạo cho thân người nằm nghiêng so với xà (chân giậm nhảy co phía dưới, chân đá lăng thẳng ở phía trên, giống như tư thế ta nằm nghiêng (nên gọi là kiểu nhảy cao "Nằm nghiêng", hai tay phối hợp khéo léo để qua xà.



d. Kỹ thuật tiếp đất:

Sau khi qua xà, chân giậm nhảy duỗi nhanh để chủ động tiếp đất, tay cùng bên với chân giậm nhảy hoặc cả hai tay duỗi ra để hỗ trợ và giữ thăng bằng. Khi chân giậm nhảy bắt đầu tiếp đất cần chủ động chùng chân để giảm chấn động. Lúc này có thể phối hợp chống hai tay và đưa chân lăng chạm đất.

* **Một số điều luật:**

Đường chạy của vận động viên có chiều dài tối thiểu 15m. Đối với sân thi đấu quốc tế như Olympic thì khoảng cách đường chạy là 20m. Đường chạy này có hình vòng cung. Vận động viên chỉ được phép chạy đà trên đường chạy quy định.

Nệm nhảy có kích thước chiều dài: 5m, chiều rộng: 3m và chiều cao: 0,5m. Hoặc cũng có thể sử dụng nệm có kích thước lớn hơn tương ứng với 6m*4m*0,7m. Khoảng cách hai cột xà 4,02m. Cột xà và đệm có khoảng cách 10cm nhờ đó, vận động viên sẽ không bị rơi ra ngoài khi ngã xuống.

Chiều dài của xà ngang 4,05m. Khối lượng của xà không được vượt quá 2kg và tiết diện bán kính 15mm. Độ võng của thanh xà không quá 2 cm.

- Trước khi bắt đầu thi đấu chính thức, tất cả vận động viên được làm quen với đường chạy. Bao gồm nhảy thử và chạy đà đà.
- Vận động viên được ban trọng tài thông báo về mức xà khởi điểm và mức nâng xà. Nâng xà chỉ dừng lại khi chỉ còn lại một người chơi. Đồng thời đó cũng là người thắng cuộc.
- Trong trường hợp chưa tìm được người thắng cuộc, lúc này mức nâng xà là 2cm. Thêm vào đó, chỉ còn lại một vận động viên cuối cùng mức nâng sẽ là mức cao kỷ lục thế giới. Và vận động viên được quyết định mức nâng.
- Mức nâng với thể thức các môn phối hợp tối thiểu 3 cm.
- Ở **luật nhảy cao** vận động viên chỉ được giậm nhảy bằng 1 chân
- Trong thời gian khi đấu, toàn bộ vận động viên không được ở trong phạm vi thi đấu
- Thời gian từ khi gọi tên đến khi thi đấu vận động viên có 1 phút để chuẩn bị
- Nếu vận động viên nhảy hỏng 3 lần sẽ trực tiếp bị loại

B. LUYỆN TẬP:

1. Khởi động: Xoay các khớp: Cổ, cổ tay, cổ chân, khớp khuỷu, khớp vai; vặn mình, xoay hông, lườn, bụng; ép dọc, ép ngang (thực hiện mỗi động tác 2x8 nhịp)

2. Tập luyện: Hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.

- Học sinh nghiên cứu tài liệu, kết hợp hướng dẫn của giáo viên để hiểu biết về kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng và luật thi đấu.

3. Hồi tĩnh, thả lỏng:

Sau buổi tập, học sinh thực hiện các động tác thả lỏng, hồi tĩnh: Hít thở sâu, tại chỗ thả lỏng các nhóm cơ tay, chân; các động tác căng giãn cơ.

* **Dặn dò:** Học sinh ôn tập **Bài thể dục liên hoàn** để chuẩn bị kiểm tra cuối kì 1.

10. MÔN TIN HỌC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN TIN HK I - KHỐI 9

Câu 1: Mạng máy tính là gì?

Mạng máy tính là tập hợp các máy tính được kết nối với nhau cho phép người dùng trao đổi thông tin, chia sẻ các tài nguyên như dữ liệu, phần mềm, các thiết bị phần cứng.

Câu 2: Có mấy kiểu kết nối mạng cơ bản? Kể tên?

Có 3 kiểu kết nối mạng cơ bản: Kết nối kiểu hình sao, kiểu đường thẳng (trục), kiểu vòng.

Câu 3: Các thành phần của mạng?

- Các thiết bị đầu cuối: Máy tính, máy in, tivi, điện thoại di động, máy Fax, máy Photo...
- Môi trường truyền dẫn: dây dẫn (cáp quang, cáp xoắn, cáp đồng trục), sóng điện từ, bức xạ hồng ngoại, sóng vệ tinh...
- Các thiết bị kết nối mạng: Vi mạng, Hub, bộ chuyển mạch, bộ định tuyến, dây cáp..
- Giao thức truyền thông: quy tắc, quy định cách trao đổi thông tin giữa các thiết bị gửi, nhận

Câu 4: Khi sử dụng lại thông tin trên Internet cần chú ý đến vấn đề bản quyền

Câu 5: Internet là gì? Các dịch vụ Internet cơ bản? Các dịch vụ khác?

-Internet là hệ thống kết nối các máy tính và mạng máy tính ở quy mô toàn thế giới.

-Tổ chức và khai thác thông tin trên Web; Tìm kiếm thông tin trên Web; Thư điện tử (E-mail)

-Đào tạo qua mạng ; Thương mại điện tử ; Mua bán trực tuyến ; Tham gia các diễn đàn.

Câu 6 : Các bước truy cập vào Web? Kể tên các trang web thông dụng?

*B1: Vào trình duyệt web

B2: Nhập địa chỉ của trang web

B3: Nhấn Enter.

*Một số trang web thông dụng:

Vietnamnet.vn; Vi.wikipedia.org; Tienphong.vn; dantri.com.vn

Câu 7: Thư điện tử là gì ? Ưu điểm Thư điện tử? Địa chỉ thư điện tử, Ví dụ?

- Là dịch vụ chuyển thư dưới dạng số trên mạng máy tính thông qua các hộp thư điện tử.

- Chi phí thấp, thời gian chuyển gần như tức thời, một người có thể gửi đồng thời cho nhiều người khác, có thể gửi kèm tệp, ...

- <Tên đăng nhập>@<Tên máy chủ lưu hộp thư>

- VD: lop9xitin201920@gmail.com

Câu 8: Dung lượng gửi thư điện tử ?

- Dung lượng tối đa khi gửi thư điện tử : 25MB

- Nếu dung lượng quá lớn sẽ sử dụng dịch vụ Google Drive

Câu 9: Hãy liệt kê các yếu tố ảnh hưởng đến sự an toàn TT MT? Nêu tác hại của virus?

* Yếu tố công nghệ – vật lý ; Yếu tố bảo quản và sử dụng ; Virus máy tính.

* Tác hại của virus :

- Tiêu tốn tài nguyên hệ thống. ; Phá huỷ dữ liệu ; Phá huỷ hệ thống.

- Đánh cắp dữ liệu ; Mã hoá dữ liệu để tống tiền ; Gây khó chịu khác

Câu 10: Đặc điểm của Virus ? Cách phòng tránh Virus ?

- Tự sao chép chính nó
- Để phòng tránh virus, bảo vệ dữ liệu, nguyên tắc chung cơ bản nhất là: "Phải cảnh giác và ngăn chặn virus trên chính những đường lây lan của chúng"

Câu 11: Một số phần mềm diệt Virus thông dụng :

Kaspersky, Norton AntilVirus, BKAV,...

Câu 12: Các con đường lây lan của Virus

Sao chép tệp bị nhiễm bị nhiễm virus, sử dụng các phần mềm bẻ khóa, phần mềm sao chép lậu, thiết bị nhớ di động, mạng nội bộ, Internet, thư điện tử, lỗ hỏng phần mềm.

Câu 13: Tác động của tin học đối với xã hội?

- Sự phát triển của tin học làm thay đổi nhận thức của con người và cách tổ chức, quản lý các hoạt động xã hội, các lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học xã hội.
- Ngày nay, tin học và máy tính đã thực sự trở thành động lực và lực lượng sản xuất, góp phần phát triển kinh tế xã hội.

Câu 14: Mặt trái của tin học và máy tính :

Cờ bạc, cá độ trên mạng, trôn học chơi game, phát tán thông tin không chính xác...

Câu 15: Ý thức và trách nhiệm của con người trong xã hội tin học hóa :

- Có ý thức tuân thủ pháp luật.
- Có ý thức bảo vệ thông tin và các nguồn tài nguyên mạng thông tin.
- Có trách nhiệm với mỗi thông tin đưa lên mạng internet.
- Xây dựng phong cách sống khoa học, có đạo đức và văn hóa ứng xử trên internet.

B. LUYỆN TẬP:

- Xem lại bài Thực hành 4.
- Các trình duyệt web thông dụng
- Các nhà cung cấp dịch vụ Internet
- Các loại máy tìm kiếm
- Vật mang Virus: USB, thẻ nhớ, tệp tin...

DẶN DÒ:

- HS học đề cương để ôn lại kiến thức KTĐGCK1
- Xem lại phần luyện tập

11. MÔN SINH HỌC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

Bài 31 : CÔNG NGHỆ TẾ BÀO

I. Khái niệm công nghệ tế bào :

Là kỹ thuật ứng dụng phương pháp nuôi cấy tế bào hoặc mô để **tạo ra 1 cơ quan hay cơ thể hoàn chỉnh**

****Có 2 bước :**

Bước 1:

- Tách tế bào từ cơ thể khỏe mạnh rồi nuôi cấy trên môi trường dinh dưỡng nhân tạo thích hợp để tạo thành mô (gọi là mô sẹo)

Bước 2:

- Dùng Hooc môn sinh trưởng kích thích mô sẹo phân hóa thành cơ quan hoặc cơ thể hoàn chỉnh

II. Ứng dụng công nghệ tế bào

- Ứng dụng trong nhân giống vô tính ở cây trồng
- Nhân bản vô tính ở động vật
- Chọn dòng tế bào xô ma biến dị để tạo giống cây trồng mới

B. LUYỆN TẬP

1.Công nghệ tế bào là gì ? Gồm những công đoạn thiết yếu nào ?

2. Hãy nêu những ưu điểm và triển vọng của nhân giống vô tính trong ống nghiệm ?

C. DẶN DÒ :

-Học bài

-Chuẩn bị xem lại các bài đã học -> ôn tập thi HKI

A. PHÂN LÝ THUYẾT (Nội dung bài ghi)

BÀI 32 : CÔNG NGHỆ GEN

I. Khái niệm kỹ thuật gen và công nghệ gen :

- **Kỹ thuật gen** là tập hợp những phương pháp tác động định hướng lên ADN cho phép chuyển gen từ 1 cá thể của loài này sang cá thể của 1 loài khác
- **Có 3 khâu cơ bản :Tách ,cắt ,nối để tạo ADN tái tổ hợp ,đưa AND tái tổ hợp vào tế bào nhận**

-Công nghệ gen là ngành kỹ thuật về quy trình ứng dụng kỹ thuật gen

Trong sản xuất công nghệ gen được ứng dụng trong việc tạo ra các sản phẩm sinh học,tạo ra các giống sinh học và động vật biến đổi gen

II. Ứng dụng công nghệ gen :

1. Tạo ra các chủng sinh vật mới
2. Tạo ra giống cây trồng biến đổi gen
3. Tạo động vật biến đổi gen

III. Khái niệm công nghệ sinh học

-Là ngành công nghệ sử dụng tế bào sống và các quá trình sinh học để tạo ra các sản phẩm sinh học cần thiết cho con người .

Công nghệ sinh học gồm các lĩnh vực :Công nghệ lên men ,công nghệ tế bào , công nghệ Enzim ,công nghệ chuyển nhân và chuyển phôi , công nghệ sinh học sử lý môi trường ,công nghệ gen , công nghệ sinh học y dược

B. LUYỆN TẬP

1. Kỹ thuật gen là gì gồm những khâu cơ bản nào ? Công nghệ gen là gì ?

2. Trong sản xuất và đời sống Công nghệ gen được ứng dụng trong lĩnh vực chủ yếu nào ?
3. Công nghệ sinh học là gì ? Gồm những lĩnh vực nào ? Cho biết vai trò của công nghệ sinh học và từng lĩnh vực của nó trong sản xuất và đời sống

C. DẶN DÒ :

-Học bài

- Xem lại tất cả các bài đã học từ đầu năm để chuẩn bị ôn tập HKI

12. MÔN CÔNG NGHỆ

A- LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 16-BÀI 7: THỰC HÀNH- LẮP MẠCH ĐIỆN ĐÈN ỚNG HUỖNH QUANG (T2)

II. NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ THỰC HÀNH:

3. Lắp đặt mạch điện đèn ống huỳnh quang

Gồm 6 bước:

Bước 1. Vạch dấu

- Vạch dấu vị trí lắp đặt các thiết bị điện;
- Vạch dấu đường đi dây và vị trí lắp đặt bộ đèn ống huỳnh quang.

Bước 2. Khoan lỗ

- Khoan lỗ bắt vít;
- Khoan lỗ luồn dây

Bước 3. Lắp thiết bị điện của bảng điện

- Nối dây các thiết bị đóng cắt, bảo vệ trên bảng điện;
- Lắp đặt các thiết bị điện vào bảng điện.

Bước 4. Nối dây bộ đèn ống huỳnh quang

- Nối dây dẫn của bộ đèn ống huỳnh quang theo sơ đồ lắp đặt;
- Lắp đặt các phần tử của bộ đèn vào máng đèn.

Bước 5. Nối dây mạch điện

- Đi dây từ bảng điện ra đèn.

Bước 6. Kiểm tra

- Kiểm tra sản phẩm đạt các tiêu chuẩn:
 - + Lắp đặt đúng theo sơ đồ;
 - + Chắc chắn;
 - + Các mối nối an toàn điện, chắc và đẹp;
 - + Mạch điện đảm bảo thông mạch.
- Nối mạch điện vào nguồn điện và cho vận hành thử.

B - LUYỆN TẬP:

Câu 1: Hãy nêu quy trình lắp đặt mạch điện đèn ống huỳnh quang?



Câu 2: Hãy vẽ sơ đồ lắp đặt của mạch điện đèn ống huỳnh quang




C-DẶN DÒ:

- Học sinh ôn lại bài, ghi bài vào tập
- Hoàn thành bài tập tuần 16 trên trang lớp học, hạn chót 17h-21/12/21
- Học nội dung ôn tập thi HK1 từ câu 1 đến câu 6.

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1 MÔN CÔNG NGHỆ 9-NĂM HỌC 2021-2022

Câu 1: Hãy kể tên một số đồng hồ đo điện mà em biết, các đại lượng đo và kí hiệu của những đồng hồ đo điện đó?

ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN	KÍ HIỆU	ĐẠI LƯỢNG ĐO
Ampe kế		Đo cường độ dòng điện
Vôn kế		Đo điện áp

Oát kế		Đo công suất
Ôm kế		Đo điện trở
Công tơ điện		Đo điện năng tiêu thụ
Đồng hồ vạn năng		Đo điện áp, điện trở, dòng điện

Câu 2: Hãy cho biết công dụng của các loại dụng cụ cơ khí ?

- TL: - Thước: dùng để đo kích thước, khoảng cách cần lắp đặt điện
- Thước cặp : đo đường kính dây điện, chiều sâu lỗ.
 - Pan me : đo chính xác đường kính dây điện.
 - Tua vít: dùng để vặn, tháo lắp ốc vít.
 - Búa : tạo lực đóng, hoặc tháo đinh
 - Cưa : dùng để cưa, cắt ống nhựa và kim loại.
 - Kìm : cắt dây dẫn, tuốt dây và giữ dây dẫn khi nối.
 - Khoan : khoan lỗ trên gỗ bê tông, ... để lắp đặt dây dẫn , thiết bị điện.

Câu 3: Giải thích các kí hiệu ghi trên mặt công tơ điện ?

- + 450 vòng/kWh: đĩa công tơ quay 450 vòng thì được 1 kWh. 900 vòng/kWh cũng tương tự
- + 220V: điện áp định mức của công tơ
- + cấp 2:: cấp chính xác của công tơ
- + 50Hz: tần số định mức
- + 10(40)A: Dòng điện định mức của công tơ là 10A. Có thể sử dụng quá tải đến 40A mà vẫn đảm bảo độ chính xác.

Câu 4: Nêu các kiểu mối nối dây dẫn điện và yêu cầu mối nối?

- TL: + Các loại mối nối dây dẫn điện:
- Mối nối thẳng (nối nối tiếp)
 - Mối nối phân nhánh (nối rẽ)
 - Mối nối dùng phụ kiện.
- + Yêu cầu mối nối:
- Dẫn điện tốt
 - Có độ bền cơ học cao
 - An toàn điện
 - Đảm bảo về mặt mỹ thuật.

Câu 5: Trình bày quy trình chung nối dây dẫn điện ?

- TL: gồm 6 bước:
- Bước 1: bóc vỏ cách điện
 - Bước 2: làm sạch lõi
 - Bước 3: nối dây
 - Bước 4: kiểm tra mối nối
 - Bước 5: hàn mối nối
 - Bước 6: cách điện mối nối

Câu 6: Thế nào là bảng điện chính và bảng điện nhánh? Kích thước của bảng điện phụ thuộc vào yếu tố nào?

- TL: + **Bảng điện chính**: có nhiệm vụ cung cấp điện cho toàn bộ hệ thống điện trong nhà. Trên bảng điện chính có lắp cầu dao, cầu chì hoặc aptomat tổng.
- + **Bảng điện nhánh**: có nhiệm vụ cung cấp điện tới đồ dùng điện, trên đó thường lắp công tắc, ổ cắm điện, hộp số quạt, ...

+ Kích thước của bảng điện phụ thuộc số lượng và kích thước của các thiết bị lắp trên đó.

Câu 7: Trình bày các bước vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện?

TL: Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện được tiến hành theo các bước sau:

gồm 4 bước:

- Bước 1: Vẽ đường dây nguồn
- Bước 2: Xác định vị trí để bảng điện, bóng đèn
- Bước 3: Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện
- Bước 4: Vẽ đường dây dẫn điện theo sơ đồ nguyên lý.

Câu 8: Trình bày quy trình lắp đặt mạch điện, bảng điện?

TL: Lắp bảng điện được tiến hành theo quy trình sau:

gồm 5 bước

- Bước 1: Vạch dấu
- Bước 2: Khoan lỗ bảng điện
- Bước 3: Nối dây của thiết bị điện của bảng điện
- Bước 4: Lắp thiết bị điện vào bảng điện
- Bước 5: Kiểm tra

Câu 9: Cho mạch điện gồm: hai cầu chì, 1 ổ điện, 1 công tắc hai cực điều khiển 1 đèn.

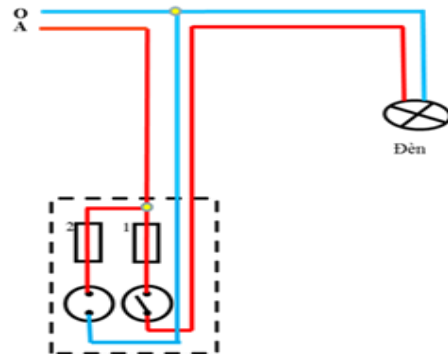
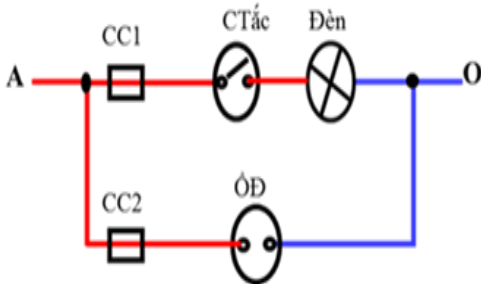
a) Tìm hiểu sơ đồ nguyên lý của mạch điện trên?

b) Vẽ sơ đồ lắp đặt của mạch điện trên?

+MĐ gồm: 2 cầu chì, 1 ổ điện, 1 công tắc 2 cực, 1 đèn

+Mạch điện gồm 2 nhánh mắc song song nhau

-Nhánh 1 gồm: 1 cầu chì, 1 công tắc 2 cực, 1 đèn mắc nối tiếp nhau; ; -Nhánh 2 gồm 1 cầu chì nối tiếp với ổ điện



Câu 10: Cho mạch điện đèn huỳnh quang

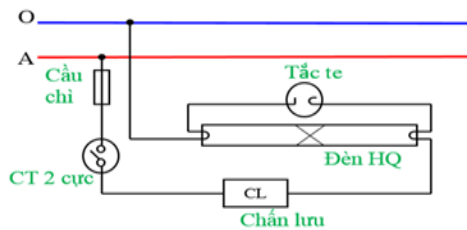
a) Tìm hiểu sơ đồ nguyên lý của mạch điện trên?

b) Vẽ SĐLD của mạch điện đèn huỳnh quang?

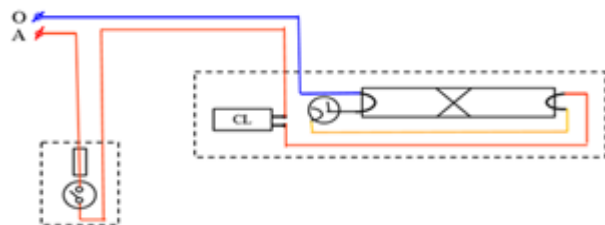
Mạch điện gồm: 1 cầu chì, 1 công tắc 2 cực, 1 chấn lưu, 1 tắc te, 1 bóng đèn huỳnh quang

- Tắc te được mắc song song với bóng đèn.
- Cầu chì, công tắc, chấn lưu được mắc ở dây pha và mắc nối tiếp với bóng đèn.

Hai đầu dây còn lại của bộ đèn được nối với nguồn điện.



Sơ đồ nguyên lý mạch đèn huỳnh quang



Sơ đồ lắp đặt mạch điện đèn ống huỳnh quang

13. HÓA HỌC

CHỦ ĐỀ 6: PHI KIM (tiếp theo) CHLORINE

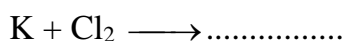
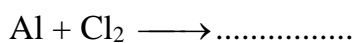
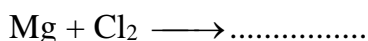
I/ Tính chất vật lý:

- Cl₂ là chất khí, màu vàng lục, mùi hắc.
- Cl₂ nặng hơn không khí và tan được trong nước.
- Cl₂ là khí độc.

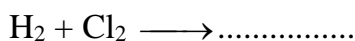
II/ Tính chất hóa học:

1/ Cl₂ có những tính chất hóa học của phi kim:

a) Tác dụng với kim loại (Mg, Al, K...)



b) Tác dụng với khí hydrogen



Lưu ý:

- Cl₂ là một phi kim hoạt động hóa học mạnh, có những TCHH của phi kim.
- Cl₂ không phản ứng trực tiếp với O₂.

2. Clo còn có những tính chất hóa học khác:

a) Tác dụng với nước (phản ứng thuận nghịch) tạo thành nước Chlorine



Khi cho quì tím vào dd sau phản ứng:

Quì tím hóa đỏ (do HCl) sau đó bị mất màu ngay (do HClO)

b) Tác dụng với dung dịch NaOH:



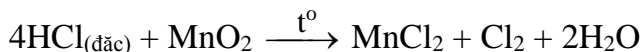
Khi cho quì tím (hoặc giấy màu) vào dd sau phản ứng:

Quì tím bị tẩy màu (do NaClO)

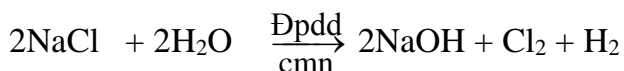
Chú ý: Dung dịch hỗn hợp gồm NaCl và NaClO được gọi là nước Gia-ven (thuốc tẩy)

III. Điều chế khí Cl₂:

1. Trong phòng thí nghiệm:

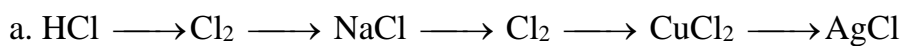


2. Trong công nghiệp: Điện phân dung dịch NaCl bão hòa, có màng ngăn xốp:



IV. Luyện tập:

Bài 1. Viết các phương trình phản ứng theo chuỗi biến hóa sau :



Bài 2: a/ Nhận biết 3 lọ bột kim loại mất nhãn gồm: Al, Cu, Fe

Lấy mẫu thử

Cho dd NaOH tác dụng với 3 kim loại

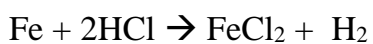
Kim loại tan, sủi bọt khí H_2 : Al

Kim loại không tan: Cu, Fe

Cho Cu, Fe tác dụng dd HCl

Kim loại tan, sủi bọt khí H_2 : Fe

Kim loại không tan: Cu



b/ Nhận biết 3 lọ bột kim loại mất nhãn gồm: Al, Cu, Mg

-----HẾT-----

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ**Họ và tên HS: Lớp: 9/.....**

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, nội dung cần hướng dẫn thêm khi thực hiện các nhiệm vụ học tập và gửi lại cho nhà trường (thông qua bộ phận điều phối tài liệu/giáo viên chủ nhiệm).

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Lịch sử		
5	Địa lý		
6	GDCD		
7	Tiếng Anh		
8	Mỹ thuật		
9	Thể dục		
10	Tin học		

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
11	Sinh học		
12	Công nghệ		
13	Hóa học		